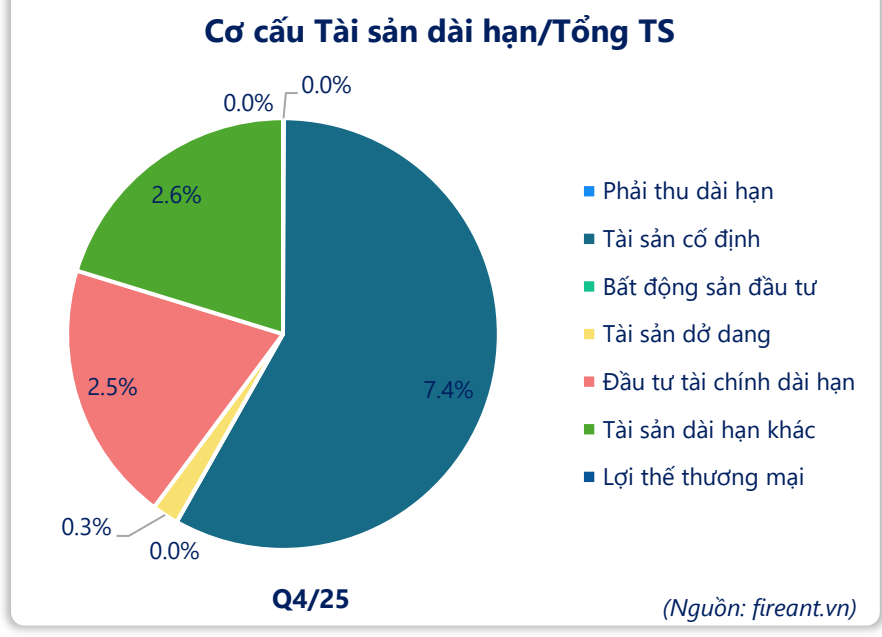
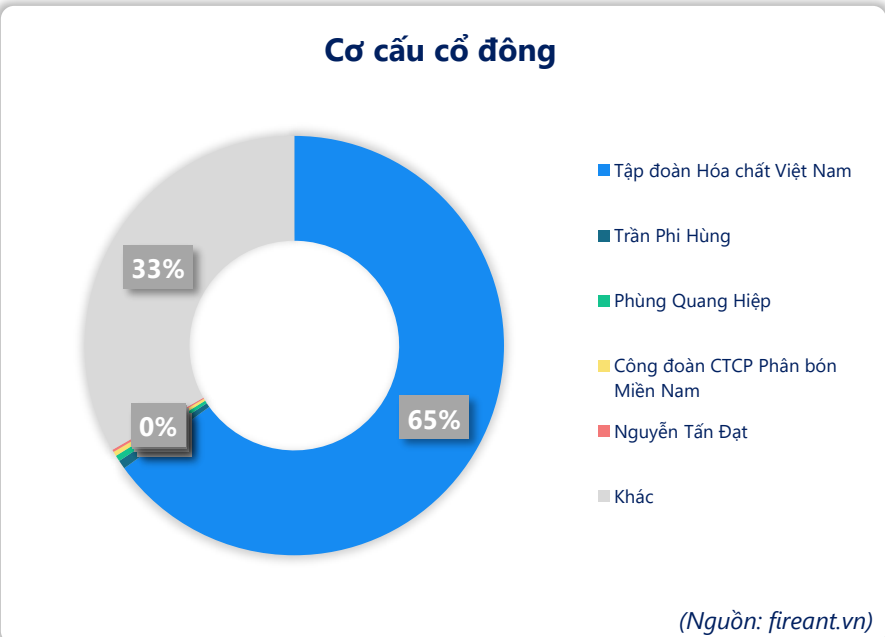
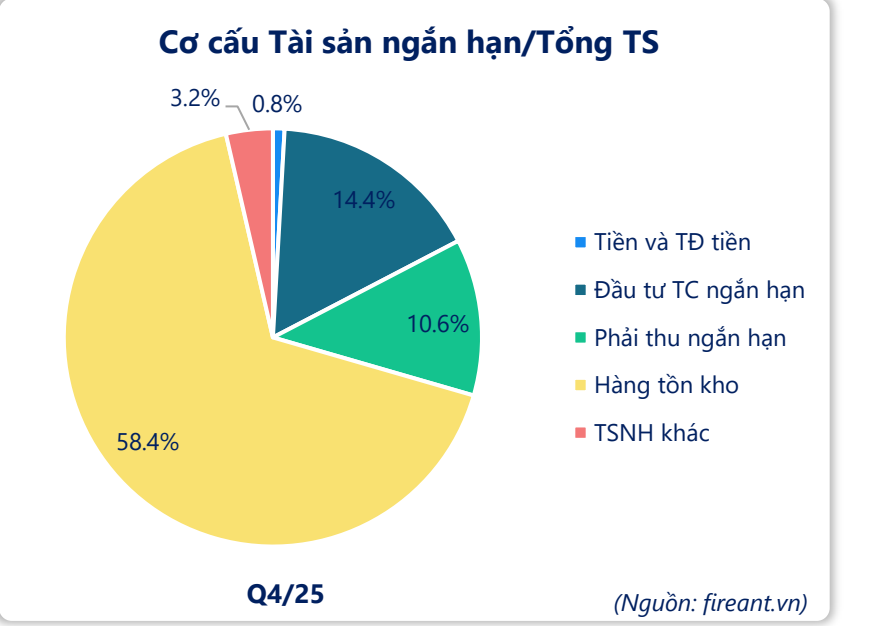
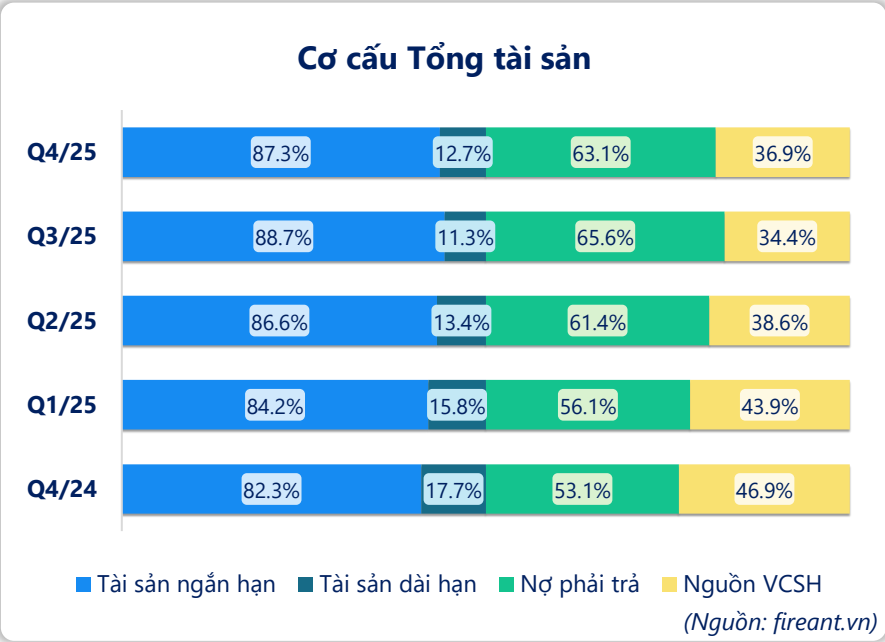
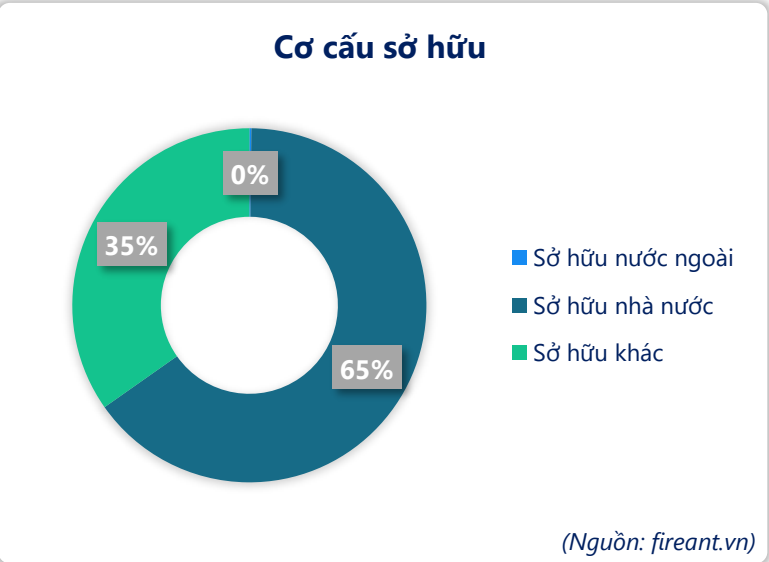
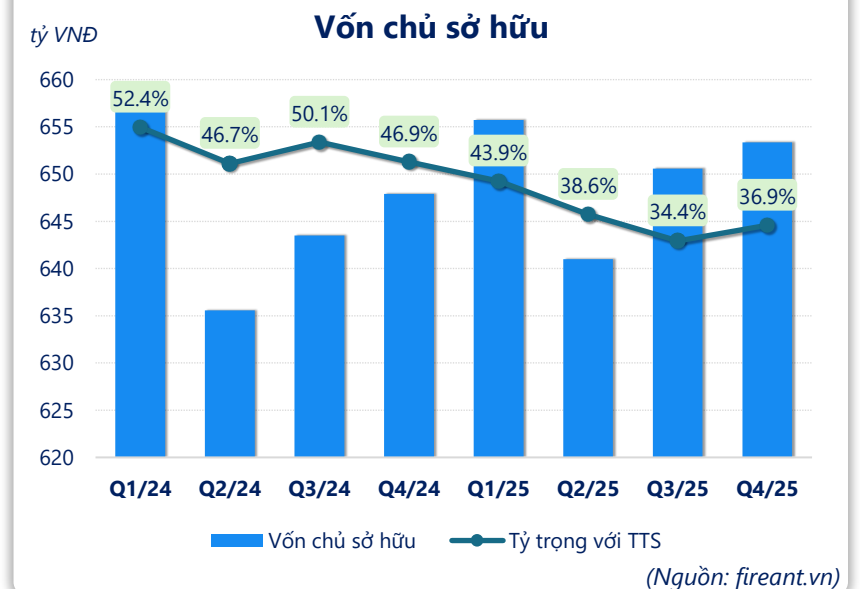
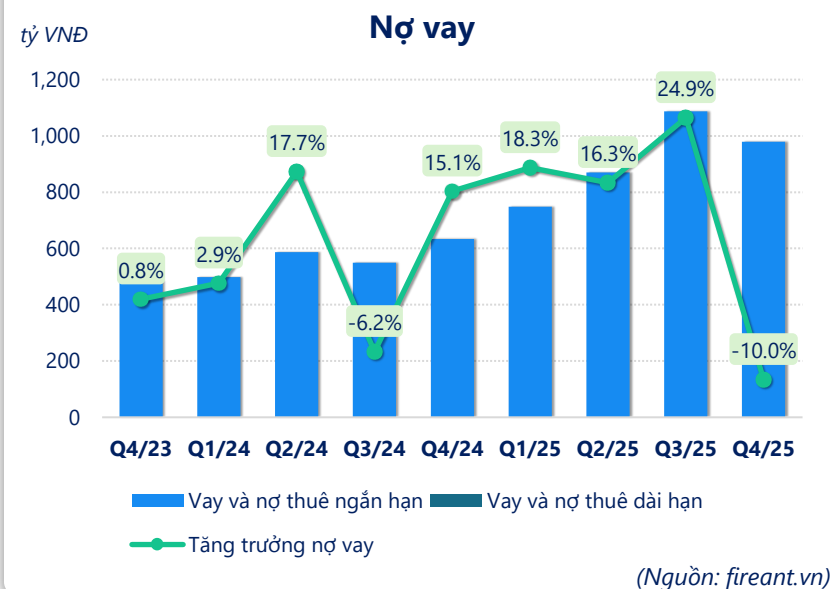
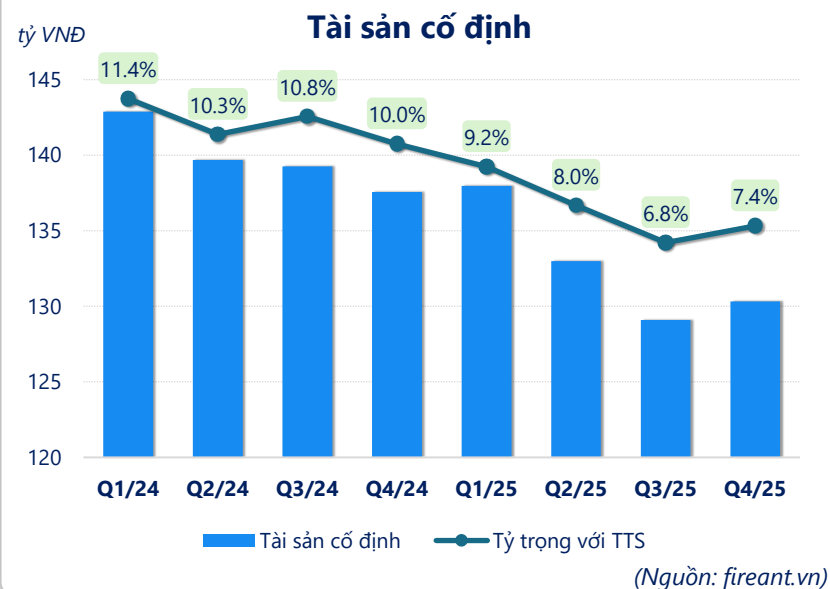
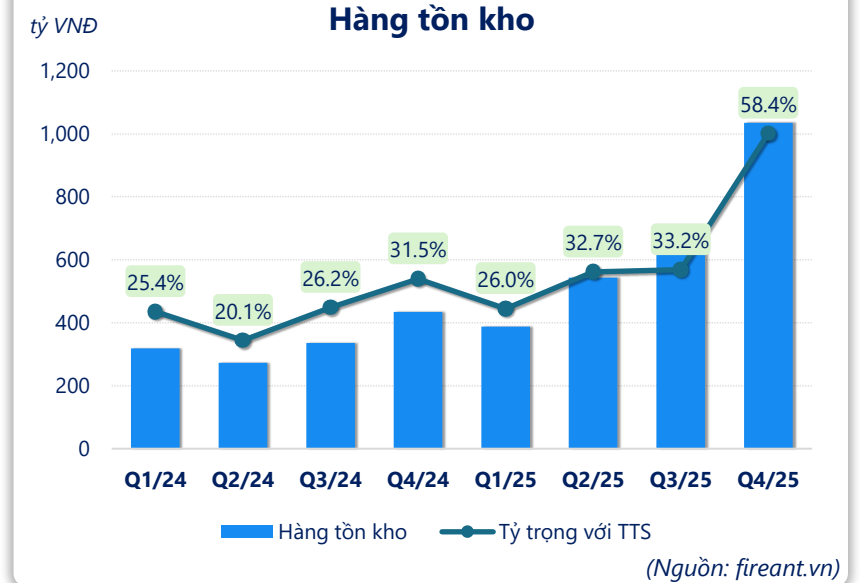
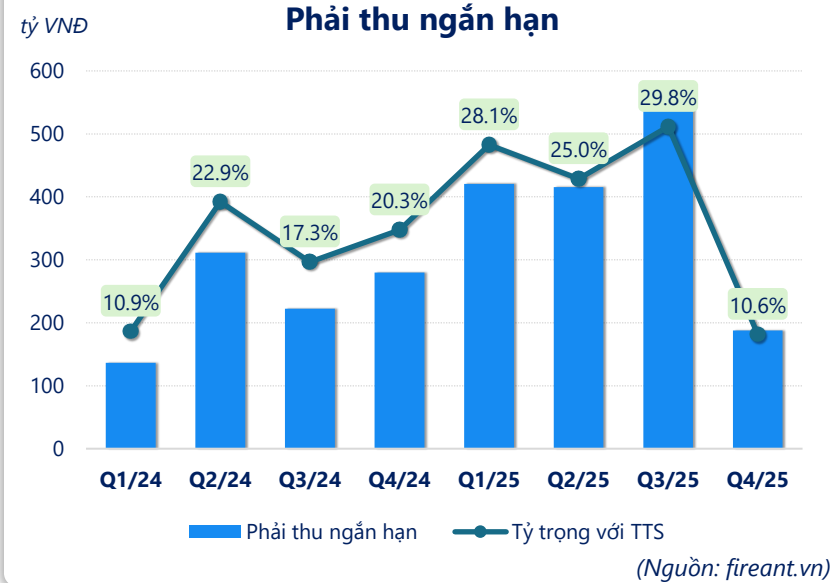
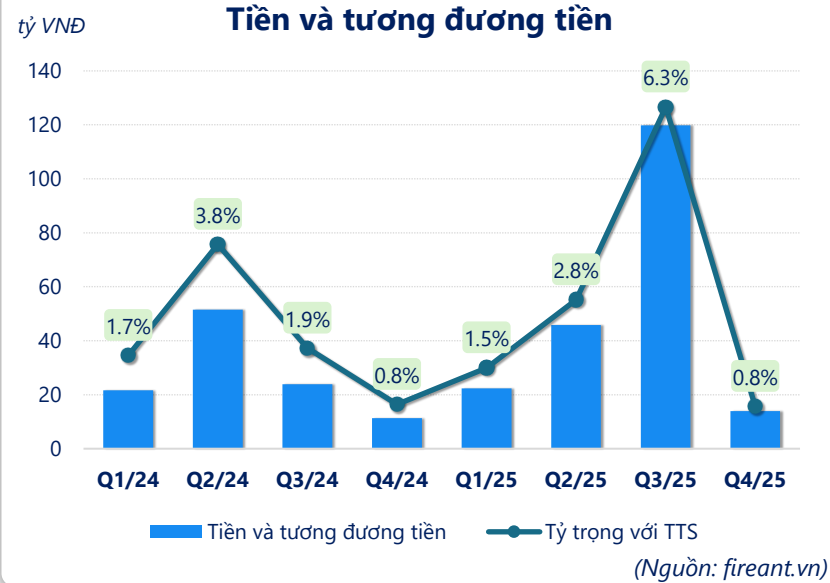
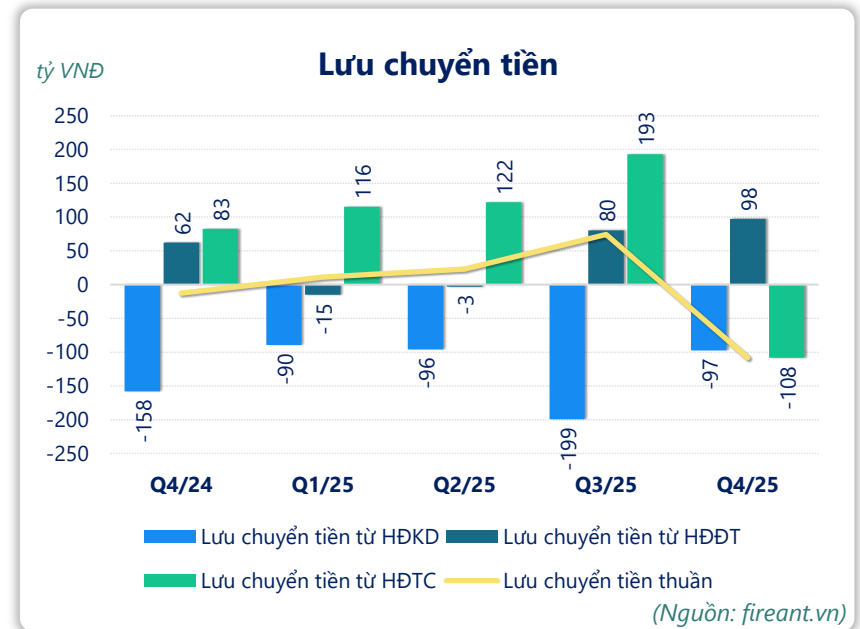
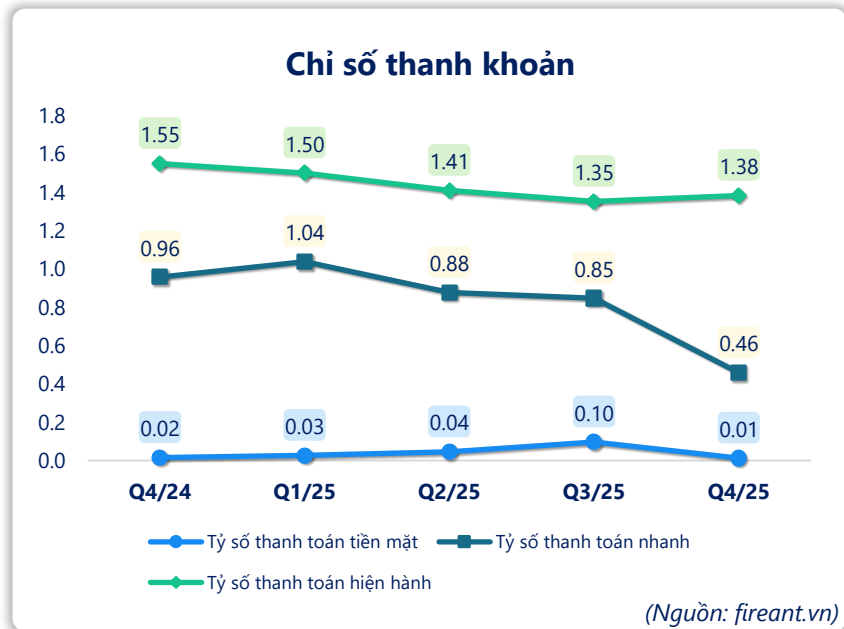
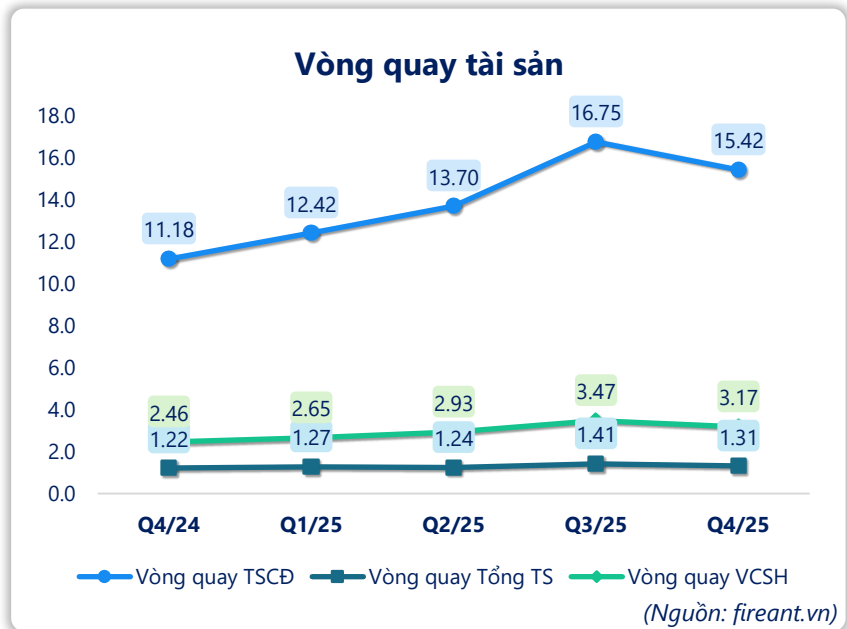
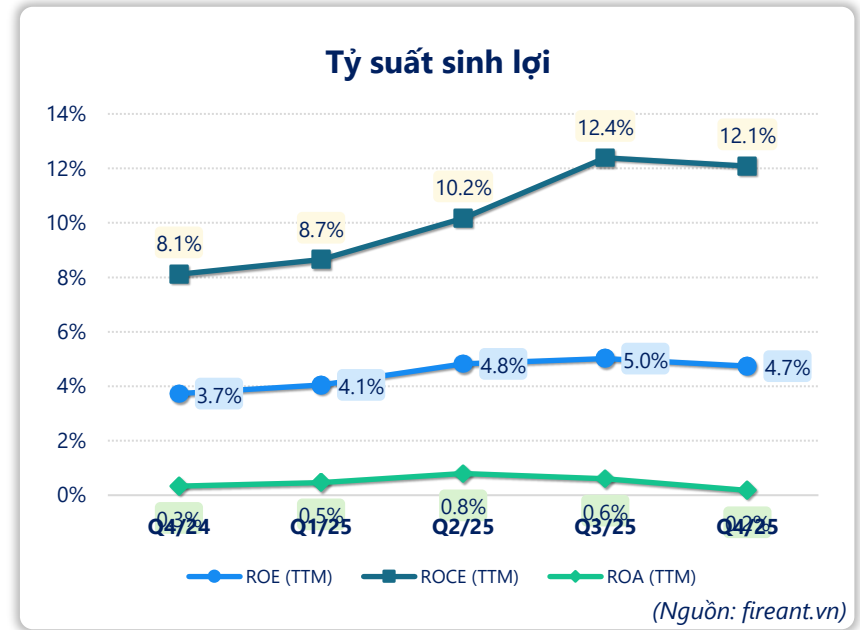
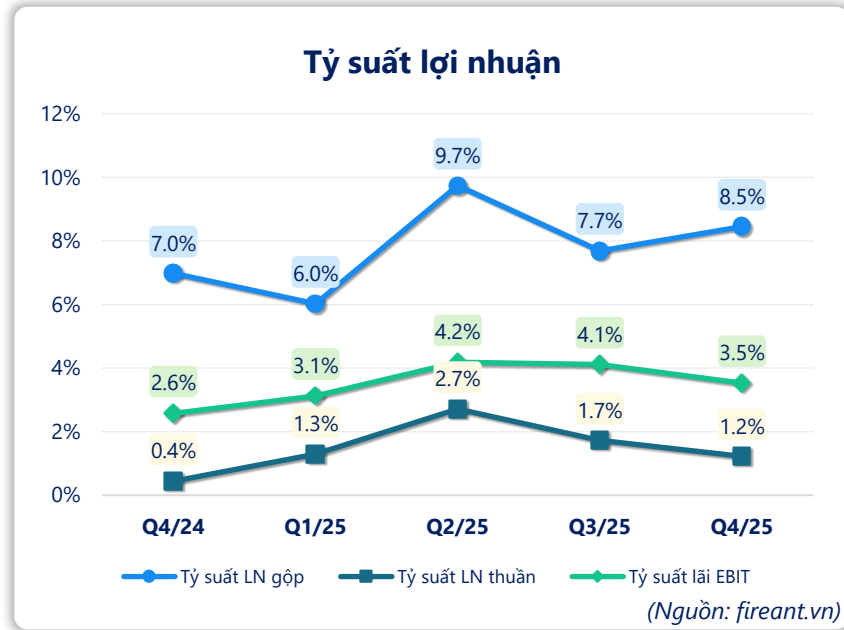
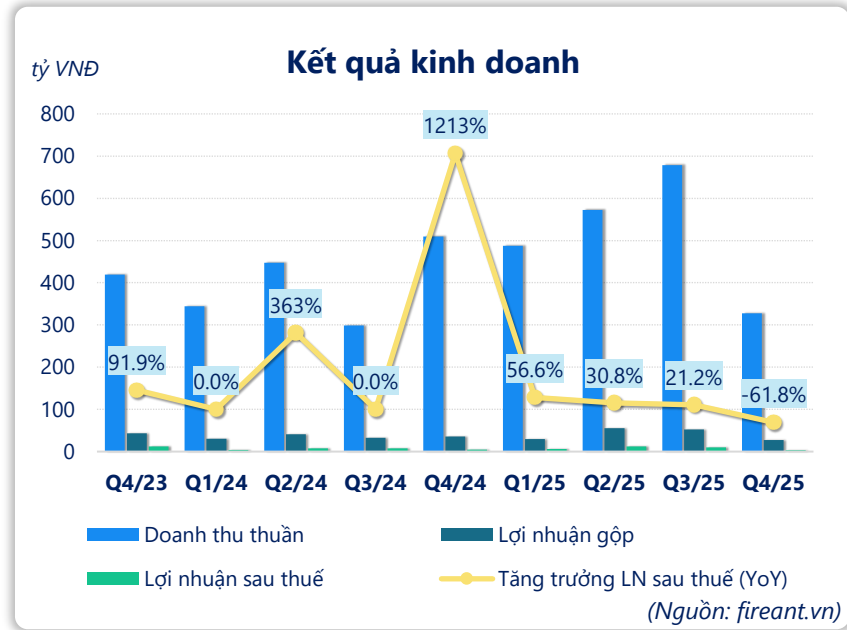


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		10,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		12,463
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		9,012
SL cổ phiếu LH		47,897,333
KLGD BQ 20 phiên (CP)		1,470
% sở hữu nước ngoài		0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		498
P/E		16.2
EPS		644

	YTD	1T	3T	6T
SFG	4.8%	1.0%	-1.4%	-4.6%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,772	1,382	28.2%
Tài sản ngắn hạn	1,548	1,130	37.0%
Tiền và tương đương tiền	13.9	11.3	22.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	255	391	-34.9%
Phải thu ngắn hạn	188	280	-33.0%
Hàng tồn kho	1,036	435	138%
Tài sản ngắn hạn khác	56.0	12.3	355%
Tài sản dài hạn	224	252	-11.1%
Phải thu dài hạn	0.17	0.17	0.0%
Tài sản cố định	130	138	-5.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	4.46	6.33	-29.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	43.9	43.9	0.0%
Tài sản dài hạn khác	45.4	64.2	-29.3%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,119	732	52.7%
Nợ ngắn hạn	1,118	732	52.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	979	633	54.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	60.6	53.2	13.8%
Nợ dài hạn	0.26	0.26	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	653	649	0.6%
Vốn chủ sở hữu	653	649	0.6%
Vốn điều lệ	479	479	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	510	487	572	678	328
Giá vốn hàng bán	474	458	517	626	300
Lợi nhuận gộp	35.6	29.4	55.8	52.2	27.7
Doanh thu HĐTC	5.01	5.35	5.93	6.71	5.98
Chi phí TC	6.59	10.0	10.5	17.9	8.70
Chi phí lãi vay	6.03	7.21	8.91	15.9	6.61
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	19.9	5.42	19.6	17.5	9.49
Chi phí QLDN	11.8	13.0	16.0	11.8	11.5
LN thuần từ HĐKD	2.25	6.29	15.5	11.7	4.00
Lợi nhuận khác	4.85	1.73	-0.48	0.31	0.96
LN trước thuế	7.09	8.01	15.1	12.0	4.96
Lợi nhuận sau thuế	4.41	6.41	12.0	9.60	2.78
LNST của CĐ cty mẹ	4.41	6.41	12.0	9.60	2.78

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-158	-89.5	-95.8	-199	-97.2
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	62.4	-15.0	-2.89	80.5	97.5
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	82.8	116	122	193	-108
Tiền đầu kỳ	23.9	11.3	22.4	45.8	120
Lưu chuyển tiền thuần	-12.5	11.1	23.1	74.3	-108
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.08	0	0.30	-0.30	2.22
Tiền cuối kỳ	11.3	22.4	45.8	120	13.9

(Nguồn: fireant.vn)